

Số: 5860 /QĐ-UBND

Xuân Trường, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng
xã Xuân Phong đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1732/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 574/UBND-VP5 ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 1672/SXD-QH ngày 20/10/2021 của Sở Xây dựng Nam Định hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Công văn số 445/UBND-KT&HT ngày 30/8/2021 của UBND huyện Xuân Trường về việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng xã;

Căn cứ Thông báo số 08/TB-UBND ngày 12/01/2022 của UBND huyện

Xuân Trường về lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phong đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND huyện Xuân Trường về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phong đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 2170/SXD-QH ngày 30/11/2022 của Sở Xây dựng Nam Định ý kiến đối với Đồ án quy hoạch chung xây dựng các xã Xuân Châu, Xuân Phong, Xuân Ninh, Xuân Trung, huyện Xuân Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND xã Xuân Phong khóa XXII về việc thông qua nội dung Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phong đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Xuân Phong tại Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 27/12/2022 và văn bản thẩm định số 50/KT&HT ngày 09/12/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phong đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Phong đến năm 2030.
- Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

Lập quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030 trong phạm vi toàn bộ địa giới hành chính của xã Xuân Phong với diện tích 593,69 ha.

- + Phía Bắc giáp xã Xuân Thành và xã Xuân Thượng.
- + Phía Nam giáp xã Xuân Bắc, Xuân Phương và xã Thọ Nghiệp.
- + Phía Đông giáp xã Xuân Đài.
- + Phía Tây giáp xã Xuân Thủy.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

- Mục tiêu lập quy hoạch:

+ Quy hoạch xây dựng chung xã phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương; cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện Xuân Trường.

- + Tiết kiệm đất đai, sử dụng đất hợp lý, có hiệu quả.

+ Triển khai từng bước, đồng bộ công tác lập và quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định.

+ Làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

- Tính chất, chức năng của xã:

Là xã có hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, phục vụ cho mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn; phát triển về nông nghiệp và dịch vụ thương mại.

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

3.1. Dự báo phát triển dân số và cơ cấu lao động

- Dân số trên địa bàn xã đến năm 2030 là 8.417 người.

- Dự báo về cơ cấu lao động:

Lao động làm việc trong các ngành phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ trên 65%.

3.2. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

3.2.1. Chỉ tiêu một số công trình hạ tầng xã hội

STT	Công trình	Chỉ tiêu sử dụng đất
I	Cấp xã	
1	Trụ sở UBND xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
2	Nhà văn hoá xã	$\geq 1.000 \text{ m}^2$
3	Khu thể thao xã	$\geq 2.000 \text{ m}^2$ (chưa tính sân vận động)
4	Trạm y tế	$\geq 1.000 \text{ m}^2$ (có vườn thuốc)
		$\geq 500 \text{ m}^2$ (không có vườn thuốc)
5	Bưu điện văn hoá xã	$\geq 150 \text{ m}^2$
6	Chợ xã	$\geq 1.500 \text{ m}^2$ (đối với xã có quy hoạch chợ)
7	Trụ sở Công an xã	$1.000 \text{ m}^2 - 2.000 \text{ m}^2$
8	Trường học	
	+ Trường Mầm non	$\geq 12 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường Tiểu học	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
	+ Trường THCS	$\geq 10 \text{ m}^2/\text{học sinh}$
II	Cấp thôn, xóm	
1	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (xóm)	
	+ Nhà văn hoá thôn (xóm)	Nhà văn hoá thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 300 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)
	+ Khu thể thao thôn (xóm)	Khu thể thao thôn (xóm) có tổng diện tích $\geq 500 \text{ m}^2$ (có thể có nhiều vị trí gộp lại)

3.2.2. Các chỉ tiêu chính về hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	
	+ Quốc lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Tỉnh lộ	Theo quy hoạch của cấp trên
	+ Huyện lộ	Theo quy hoạch của huyện
	+ Đường trục xã, liên xã	Cấp IV, cấp V đồng bằng, cấp A
	+ Đường trục chính thôn, xóm	Cấp A, cấp B, cấp C
	+ Đường trục chính nội đồng	Cấp B, cấp C, cấp D
2	Cấp điện sinh hoạt	Tối thiểu 150W/người
3	Cấp nước sinh hoạt	Tối thiểu 60lít/người/ngày đêm

Các chỉ tiêu khác tuân thủ theo Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng và các văn bản khác có liên quan.

4. Phân khu chức năng

- Hệ thống trung tâm xã: Khu trung tâm xã sẽ bao gồm hệ thống các công trình trụ sở, sân thể thao xã, khu công viên cây xanh, trường học, y tế, an ninh,...

- Hệ thống thôn, xóm, các khu dân cư tập trung: Ngoài các thôn, xóm hiện có quy hoạch các khu dân cư tập trung, các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẹt với các khu dân cư cũ, mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng trong tương lai đồng thời chỉnh trang và khép kín các khu dân cư hiện có.

- Khu sản xuất: Gồm các khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, ...); sản xuất công nghiệp và các vị trí nhỏ lẻ khác.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Hệ thống trung tâm hành chính, công cộng, công trình y tế, văn hoá - thể thao, giáo dục, tôn giáo - di tích

5.1.1. Trụ sở Đảng uỷ - HĐND – UBND xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.2. Hợp tác xã

Quy hoạch mới tại xóm 16, phía Đông Nam trường Mầm non xã với diện tích 0,03 ha.

5.1.3. Bưu điện

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

5.1.4. Nhà văn hoá

a) Nhà văn hóa xã

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

b) Nhà văn hóa các xóm

- Quy hoạch mở rộng nhà văn hoá xóm 2 về phía Bắc thêm 0,05 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,11 ha.

- Quy hoạch mở rộng nhà văn hoá xóm 12 về phía Nam và phía Đông thêm 0,07 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,1 ha.

- Giữ nguyên vị trí và diện tích các nhà văn hoá xóm còn lại.

5.1.5. Khu công viên cây xanh, TDTT

a) Trung tâm thể dục thể thao xã

Quy hoạch mới khu trung tâm TDTT xã tại phía Bắc trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã và trường THCS với diện tích 2 ha.

b) Sân thể thao khu vực phục vụ các xóm

- Quy hoạch mở rộng sân thể thao xóm 1 về phía Bắc thêm 0,15 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,24 ha.

- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 2 trên đất nhà văn hoá xóm 5 cũ và phần đất nông nghiệp giáp nhà văn hoá với tổng diện tích 0,11 ha.

- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 3 tại phía Bắc nhà văn hoá xóm 7 cũ với diện tích 0,15 ha.

- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 4 tại phía Đông Bắc chùa Thanh Trà Khê với diện tích 0,27 ha.

- Quy hoạch mới sân thể thao khu vực Vạn Lộc cho cụm xóm 11, xóm 12, xóm 13, xóm 14 tại phía Tây nhà thờ Vạn Lộc, trên đất giáo dục cũ với diện tích 0,3 ha.

- Quy hoạch mới sân thể thao xóm 15 tại phía Đông nhà văn hoá xóm với diện tích 0,11 ha.

- Quy hoạch mới sân thể thao cụm xóm 17, xóm 18 tại phía Nam đường Bắc Phong Đài, giáp đường phía Đông sông Cát Xuyên với diện tích 0,2 ha.

- Xóm 16 sử dụng khu trung tâm TDTT của xã.

c) Khu công viên cây xanh

- Vị trí 1: Tại sân thể thao xã cũ và phần đất sát hành lang an toàn đường cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh với tổng diện tích 0,38 ha.

- Vị trí 2: Tại phía Bắc xóm 1 với diện tích 5,82 ha.

5.1.6. Các công trình giáo dục

- Trường Mầm non: Giữ nguyên vị trí và diện tích.

- Trường Tiểu học:

+ Trường Tiểu học khu A: Giảm diện tích hiện trạng do đường cao tốc Ninh Bình - Thái Bình - Hải Phòng dự kiến đi qua. Diện tích còn lại của trường

khoảng 0,33 ha.

+ Trường Tiểu học khu B: Giữ nguyên vị trí và diện tích.

- Trường THCS: Quy hoạch mở rộng về phía Đông Bắc thêm 0,3 ha.
Tổng diện tích sau khi mở rộng là 1,19 ha.

- Quy hoạch đất công cộng dự phòng (đất xây dựng cơ sở giáo dục) tại phía Bắc khu trung tâm TDDT với tổng diện tích 2,35 ha.

5.1.7. Trụ sở công an xã và đất quốc phòng

- Quy hoạch trụ sở công an xã tại khu vực xóm 16, đổi diện trường Tiểu học khu B với diện tích 0,18 ha.

- Quy hoạch đất quốc phòng tại phía Đông Nam xã, giáp đường phía Tây sông Cát Xuyên với diện tích 1,78 ha.

5.1.8. Chợ xã

Quy hoạch mới tại phía Bắc chợ cũ với diện tích 0,2 ha. Chợ cũ chuyển thành đất công cộng.

5.1.9. Trạm y tế

Quy hoạch mở rộng về phía Bắc thêm 0,1 ha. Tổng diện tích sau khi mở rộng là 0,24 ha.

5.1.10. Các công trình tôn giáo, danh lam, di tích, đình đền:

- Quy hoạch mở rộng chùa Thọ Vực về phía Đông thêm 0,15 ha.

- Quy hoạch mở rộng chùa Vạn Lộc về phía Nam thêm 0,11 ha.

5.1.11. Nghĩa trang liệt sỹ

Giữ nguyên vị trí và diện tích.

* Định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ:

- Đối với trung tâm hành chính, công trình công cộng xã: Định hướng đầu tư xây dựng, phát triển tạo tính kết nối liên hoàn thành hệ thống, có kiến trúc cảnh quan mang tính thẩm mỹ và đặc trưng riêng. Thực hiện cải tạo chỉnh trang đối với những công trình đã xuống cấp hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Tầng cao xây dựng tối đa với các công trình trụ sở, công cộng là 5 tầng.

- Đối với các công trình dịch vụ thương mại: Hình thái kiến trúc phải đảm bảo tính hiện đại, thẩm mỹ và đề cao công năng sử dụng.

5.2. Quy hoạch định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn

- Quy hoạch các khu ở mới tập trung:

+ Vị trí 1: Giáp khu dân cư hiện có của xóm 15 với diện tích 5,42 ha.

+ Vị trí 2: Phía Đông huyện lộ 4 với diện tích 3,0 ha.

+ Vị trí 3: Phía Tây Bắc xã với diện tích 10,45 ha.

- Quy hoạch các khu ở mới nhỏ lẻ nằm xen kẹt với các khu dân cư cũ, nhằm khép kín và chỉnh trang các điểm dân cư với tổng diện tích 2,67 ha.

* Định hướng kiến trúc các khu dân cư:

+ Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới tại khu trung tâm xã và khu vực giáp các trục đường tỉnh, đường huyện: Định hướng xây dựng các công trình nhà ở theo dạng nhà lô phố hoặc nhà vườn, mang tính thẩm mỹ, với ngôn ngữ kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống. Tầng cao xây dựng tối đa 7 tầng đối với dạng nhà lô phố và 03 tầng chính đối với dạng nhà vườn.

+ Đối với các khu vực làng xóm hiện hữu và các khu ở mới xen kẹt: Khuyến khích đầu tư xây dựng công trình nhà ở gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hoà trong tổng thể phát triển chung của xã.

5.3. Định hướng quy hoạch khu dịch vụ thương mại

- Vị trí 1: Phía Tây TL.489C với diện tích 3,86 ha.
- Vị trí 2: Phía Đông TL.489C với tổng diện tích 7,44 ha.
- Vị trí 3: Phía Tây Nam trụ sở công an xã với diện tích 1,63 ha.

5.4. Quy hoạch đất hỗn hợp

Quy hoạch đất hỗn hợp với các chức năng sử dụng đất: đất ở, dịch vụ thương mại, công cộng, công viên cây xanh, ... với tổng diện tích 20,44 ha tại khu vực phía Bắc xã, phía Đông và phía Nam khu công viên cây xanh.

5.6. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp

- Vùng trồng lúa với tổng diện tích 240,43 ha.
- Vùng đất trồng trọt khác với tổng diện tích 61,40 ha.
- Vùng nuôi trồng thủy sản với tổng diện tích 40,62 ha phân bố trong các ao hồ trong các khu dân cư.

6. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất

6.1. Hệ thống giao thông

6.1.1. Giao thông đối ngoại

- Cao tốc Ninh Bình – Hải Phòng – Quảng Ninh: Quy mô theo quy hoạch giao thông của cấp trên.

- Tỉnh lộ 489C: Quy mô theo quy hoạch giao thông của tỉnh.

- Tỉnh lộ 488: Quy mô theo quy hoạch giao thông của tỉnh.

- Huyện lộ 4 (HL4): Đoạn qua địa bàn xã từ TL.488 đến đường Bắc Phong Đài, kéo dài sang xã Thọ Nghiệp; quy hoạch với quy mô đường cấp IV đồng bằng.

6.1.2. Giao thông đối nội

a) Đường trục xã, liên xã

- Đường Bắc Phong Đài: Từ xã Xuân Bắc đi dọc phía Bắc sông Cát Xuyên 4 sang xã Xuân Đài; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Đường TX1: Từ cầu xóm 16 qua trụ sở Đảng uỷ - HĐND - UBND xã đến chợ Vực, chiều dài khoảng 1,4 km; giữ nguyên quy mô hiện trạng.

- Đường TX2: Từ TL.488 qua chợ Vực đến đường Bắc Phong Đài, chiều dài khoảng 2,5 km; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Đường TX3: Từ đường TX1 qua trường tiểu học khu A đến xóm 13, chiều dài khoảng 0,8 km; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Đường TX4: Dọc phía Tây sông Cát Xuyên, chiều dài khoảng 3 km; quy hoạch với quy mô đường cấp IV đồng bằng. Đoạn qua khu dân cư tập trung mới tại xóm 15, quy hoạch vỉa hè phía giáp khu dân cư là 4m.

- Đường TX5: Dọc phía Đông sông Cát Xuyên, chiều dài khoảng 3 km; quy hoạch với quy mô đường cấp IV đồng bằng.

b) Đường trục xóm

- Đường TT1: Từ xóm 1 qua nhà văn hoá xóm 4 đến đường TX4, chiều dài khoảng 1,1 km; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Đường TT2: Từ TL.488 qua xóm 4, xóm 16 đến trường tiểu học khu B, chiều dài khoảng 2 km; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Đường TT3: Từ đường Bắc Phong Đài qua xóm 14 xuống xã Xuân Bắc; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

c) Các đường quy hoạch khác

- Đường TĐ1: Từ Tỉnh lộ 489C đến huyện lộ 4; quy hoạch với quy mô B nền = 28m.

- Đường TĐ2, TĐ3, TĐ4: Trong các khu chức năng mới tại phía Tây Bắc xã; quy hoạch với quy mô B mặt = 7m, B nền = 15m.

- Đường TĐ5: Từ đường TX1 (trạm y tế) qua khu vực quy hoạch đất giáo dục sang huyện lộ 4; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

- Đường TĐ6: Từ phía Đông sông Cát Xuyên (phía Nam cầu xóm 16) sang xóm 2 xã Xuân Đài; quy hoạch với quy mô đường cấp V đồng bằng.

d) Giao thông nội đồng

Tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng, cứng hoá hệ thống đường trục chính nội đồng bảo đảm đạt tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu cơ giới hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.

6.2. Định hướng cấp nước

nước xã Xuân Tân.

- Mạng đường ống hiện trạng: cải tạo tuyến ống xuống cấp do sử dụng lâu năm, đồng thời đấu nối với mạng đường ống quy hoạch mới để đảm bảo cấp nước được liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng đường ống quy hoạch mới: được quy hoạch là mạng kín và mạng hở kết hợp, mạng dịch vụ được đấu nối vào mạng lưới đường ống phân phối để cấp cho các khu vực, có đường kính từ D90 đến D200.

6.3. Định hướng cấp điện

- Nguồn cấp điện cho xã Xuân Phong được lấy từ lưới điện 22kV.

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống lưới điện trên địa bàn xã và hệ thống các trạm biến áp hiện hữu để cấp điện cho các khu vực hiện trạng.

- Quy hoạch thêm 05 trạm biến áp mới với tổng công suất là 2320 kVA. Vị trí cụ thể do ngành điện khảo sát và bố trí.

6.4. Hệ thống thủy lợi

- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy tuyến kênh cấp 1, cấp 2.

- Thực hiện kiên cố hoá các tuyến kênh cấp 2, kênh đất cấp 3 còn lại, đảm bảo phục vụ tưới tiêu nông nghiệp.

6.5. Hệ thống thoát nước

- Hướng thoát nước chủ yếu là từ các kênh cấp 2, cấp 3 rồi thoát sông Cát Xuyên, sông 50.

- Mạng lưới hệ thống thoát nước

- + Đối với khu vực dân cư cũ: Xây dựng hệ thống thoát nước chung; nước thải của khu dân cư, các công trình công cộng được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của từng công trình rồi được dẫn qua hệ thống cống, rãnh dọc theo các trục đường chính và thoát ra các hệ thống kênh mương.

- + Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu quy hoạch, hệ thống thoát nước thải phải đấu nối với hệ thống thoát nước thải của các đồ án này.

- + Đối với các khu vực xây dựng mới, mở rộng hoặc chưa có hệ thống thoát nước sẽ xây dựng hệ thống cống thoát nước hai bên các trục đường rồi dẫn thoát ra hệ thống kênh mương khu vực. Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới, xây dựng hệ thống thoát nước riêng, nước thải sau khi được xử lý tại bể, khu xử lý chung, được đấu nối vào hệ thống thoát nước mặt và dẫn thoát ra kênh mương khu vực.

- + Các tuyến cống chính được bố trí trên vỉa hè của các tuyến đường giao thông, có kích thước B500-B600, độ dốc từ 0,1% đến 0,2%.

6.6. Vệ sinh môi trường

6.6.1. Xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn xã giai đoạn đầu được thu gom và xử lý tại khu xử lý CTR tập trung của xã. Giai đoạn sau sẽ vận chuyển và đưa đến khu xử lý CTR vùng huyện để xử lý chung cho toàn huyện (theo định hướng quy hoạch xử lý CTR toàn tỉnh đã được phê duyệt).

- Hình thức thu gom rác thải: Tổ chức thu gom CTR bằng xe đẩy tay, xe cơ giới, tập kết CTR tới bãi tập kết rác của các thôn. Đến năm 2030, trên 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý bảo đảm môi trường.

6.6.2. Nghĩa trang nhân dân

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang khu vực xóm 17, xóm 18 thêm 0,2 ha.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang khu vực xóm 4 thêm 0,44 ha.

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang làng Thọ Vực thêm 0,85 ha.

- Quy hoạch mới nghĩa trang khu vực Vạn Lộc tại phía Nam xã với diện tích 0,78 ha.

7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

* Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung xóm 15, khu dân cư phía Tây Bắc xã.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học để đạt chuẩn.

- Đầu tư xây dựng các trục đường tại khu trung tâm xã, nâng cấp các đường trục xã, trục thôn xóm; các trục đường qua các khu chức năng quy hoạch mới (đường qua sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh, khu dân cư tập trung,....).

- Đầu tư xây dựng các khu dịch vụ thương mại.

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu (cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước; hệ thống thông tin liên lạc).

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng xã hội cấp xã và thôn xóm: trụ sở Công an xã, sân thể thao trung tâm xã, khu công viên cây xanh,....

* Nguồn vốn:

Đa dạng hoá nguồn vốn từ các khu vực, thành phần kinh tế:

- Vốn ngân sách Nhà nước.

- Vốn huy động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

8. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

9. Giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tổ chức công khai đầy đủ, kịp thời tất cả các quy hoạch theo quy định, trong đó chú trọng tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên Cổng TTĐT và tích hợp trong cơ sở dữ liệu Quốc gia đảm bảo thuận tiện trong việc tìm hiểu, tra cứu và sử dụng thông tin.

- Tổ chức lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư tập trung, các khu vực sản xuất, khu thương mại dịch vụ đã quy hoạch làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư nhằm tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó chú trọng các vị trí đã có trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác sau quy hoạch xây dựng bảo đảm đồng bộ các quy hoạch.

- Tiếp tục tranh thủ và huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp, vốn nước ngoài và vốn xã hội hóa để xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ theo quy hoạch.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các cơ chế khuyến khích đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế,...

- Phối hợp quy hoạch và chuẩn bị mặt bằng tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư nâng cấp hạ tầng điện, nước, thông tin truyền thông,... đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Kêu gọi thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu vực thương mại, dịch vụ, ... trên địa bàn. Đồng hành cùng doanh nghiệp tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư, mặt bằng sản xuất,...

10. Danh mục hồ sơ đồ án quy hoạch được phê duyệt

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh quy hoạch
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng
4	Bản đồ hiện trạng tổng hợp
5	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất
6	Bản đồ quy hoạch giao thông + thủy lợi
7	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thoát nước)
8	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện + cấp nước)
9	Sơ đồ định hướng phát triển không gian
10	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược

(Chi tiết nội dung theo hồ sơ đồ án quy hoạch đính kèm)

Điều 2. Giao UBND xã Xuân Phong chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND xã Xuân Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, HĐND huyện;
- Như Điều 3;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Cường

STT	Tên hồ sơ, bản vẽ
1	Thuyết minh dự báo
2	Quy định quản lý theo đồ án dự báo
3	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng
4	Bản đồ hiện trạng tổng hợp
5	Bản đồ dự báo sử dụng đất
6	Bản đồ dự báo giao thông + thủy lợi
7	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống thoát nước)
8	Bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện + cấp nước)
9	Sơ đồ định hướng phát triển không gian
10	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược